TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 335/2024/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 25 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 256/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Nguyễn A, sinh năm 1996

Địa chỉ: 332/105 Đường S, Phường 05, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thị trấn K, huyện G, tỉnh Quảng Trị;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Trần Nguyễn A và bà Trần Thị Thanh H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân Phường 05, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 11/3/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/3/2024 bà H và ông A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung (trẻ Trần Anh O); Hàng tháng ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Trần Anh O số tiền là

2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2024 cho đến khi trẻ O đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông A và bà H thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trần Nguyễn A và bà Trần Thị Thanh H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân Phường 05, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Anh O, sinh ngày 13/8/2020. Bà Trần Thị Thanh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Anh O; hàng tháng ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ là 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng hai bên tự thực hiện. Nếu đến hạn ông A không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bà H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông A không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì ông A còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Nguyễn A và bà Trần Thị Thanh H phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai số 0012717 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương